

LỜI GIỚI THIỆU

Bản tin pháp luật tháng 4/2022 gồm 3 phần chính:

- **Phần 1:** Các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý.

b. Trách nhiệm các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật.

- **Phần 2:** Các dự thảo văn bản pháp luật của các Bộ ngành đang lấy ý kiến góp ý; Trách nhiệm đơn vị nghiên cứu, xem xét có ý kiến.

- **Phần 3:** Các quy định của Tập đoàn ban hành trong tháng 3/2022.

Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra trân trọng giới thiệu tới các đơn vị, cá nhân của Tập đoàn.

(Mọi ý kiến, thắc mắc xin vui lòng liên hệ: Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra Tập đoàn, Bùi Quỳnh Hoa, Tel:0945.123.690, Email:hoabq@vnpt.vn)

Phần 1: Các VBQPPL liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn:

1. Nghị định 148/2021/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định các nội dung sau:

1. Việc quản lý các nguồn thu, gồm:

a) Thu từ cổ phần hóa và các hình thức sắp xếp, chuyển đổi sở hữu khác của doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (doanh nghiệp cấp 1), cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập).

b) Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, thu chuyển nhượng quyền mua cổ phần phát hành thêm đối với phần vốn nhà nước và quyền góp vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Thu chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp cấp 1 đang hoạt động,

d) Thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước đầu tư tại các doanh nghiệp được Thủ tướng Chính phủ giao Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (sau đây gọi là SCIC) thực hiện chuyển nhượng vốn để nộp về ngân sách nhà nước.

2. Các khoản chi từ ngân sách nhà nước để xử lý, hỗ trợ kinh phí khi thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chi đầu tư phát triển quy định tại Nghị định này.

Đối tượng áp dụng

1. Các đối tượng áp dụng Nghị định này bao gồm:

a) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp là cơ quan đại diện chủ sở hữu (sau đây gọi là Cơ quan đại diện chủ

sở hữu trung ương); Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh).

b) Doanh nghiệp cấp 1:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ là Công ty mẹ của Tập đoàn kinh tế, Công ty mẹ của Tổng công ty nhà nước (bao gồm cả ngân hàng thương mại do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ), Công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con.

- Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên độc lập do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

c) Doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp của Nhà nước là các công ty cổ phần (bao gồm cả ngân hàng thương mại cổ phần, công ty cổ phần hình thành từ cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập), công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

d) Người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là người đại diện phần vốn nhà nước).

đ) Đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần theo quy định của Chính phủ.

e) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động đầu tư, quản lý, sử dụng vốn nhà nước tại doanh nghiệp và chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

2. Các đơn vị không thuộc đối tượng quản lý thu, chi từ ngân sách nhà nước theo quy định tại Chương II Nghị định này gồm:

a) Các Ngân hàng thương mại do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam mua lại bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

b) Các doanh nghiệp do SCIC tiếp nhận từ các cơ quan đại diện chủ sở hữu để thực hiện quyền đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước theo quy định của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của SCIC.

c) Các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập do các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức kinh tế - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp làm chủ sở hữu.

Nguyên tắc quản lý, sử dụng nguồn thu

1. Các khoản thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chuyển nhượng vốn nhà nước, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp sau khi trừ các khoản chi phí liên quan đến chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, chi phí chuyển nhượng vốn, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, quyền góp vốn phải nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp.

Khoản thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương nộp vào ngân sách trung ương; khoản thu từ doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc địa phương nộp vào ngân sách địa phương. Cơ quan thuế thực hiện thu theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về quản lý thuế và quy định tại Nghị định này.

2. Thực hiện cân đối các khoản thu quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định này trong dự toán ngân sách để chi đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và chi đầu tư cho các công trình kết cấu hạ tầng trọng điểm, quan trọng của quốc gia, địa phương theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định này.

3. Các khoản chi thường xuyên, chi đầu tư phát triển quy định tại Nghị định này do ngân sách trung ương, ngân sách địa phương đảm bảo đối với các doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thuộc trung ương và địa phương theo quy định phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật

Ban Kế toán - Tài chính, Kế hoạch - Đầu tư (Tập đoàn) nghiên cứu để biết, thực hiện.

2. Thông tư 02/2022/TT-BKHĐT của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2022 và thay thế Thông tư số 09/2016/TT-BKHĐT ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về công tác theo dõi, kiểm tra và đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

- a) Thông tư này quy định về công tác giám sát, đánh giá đầu tư đối với hoạt động đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.
- b) Việc giám sát, đánh giá hoạt động đầu tư chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

2. Đối tượng áp dụng

- a) Các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan đến hoạt động đầu tư nước ngoài gồm các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Cơ quan đăng ký đầu tư và các cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đầu tư theo pháp luật đầu tư;
- b) Các tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài, dự án có vốn đầu tư nước ngoài đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

Nội dung kiểm tra tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài

1. Tiến độ góp vốn điều lệ, tiến độ giải ngân vốn đầu tư đã đăng ký; tình hình góp vốn pháp định (đối với ngành, lĩnh vực có quy định vốn pháp định); tổng vốn đầu tư đã thực hiện và tỷ lệ so với tổng vốn đầu tư đăng ký.
2. Tiến độ triển khai dự án; việc thực hiện các mục tiêu đầu tư của dự án; việc ứng dụng công nghệ đối với dự án thuộc diện thẩm định, có ý kiến về công nghệ (công nghệ áp dụng so với công nghệ đã được cơ quan có thẩm quyền thẩm định hoặc có ý kiến; việc thực hiện lắp đặt máy móc, thiết bị, dây chuyền công nghệ của dự án đầu tư); chuyên giao công nghệ đối với dự án có thực hiện chuyên giao công nghệ (đối tượng, nội dung, phương thức chuyển giao công nghệ, kết quả thực hiện chuyển giao công nghệ theo thỏa thuận giữa các bên); việc thực hiện các cam kết và đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện tiếp cận thị trường, điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư, hỗ trợ đầu tư của nhà đầu tư khi dự án đi vào hoạt động.
3. Việc thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước.
4. Việc thực hiện các quy định pháp luật về lao động, quản lý ngoại hối, môi trường, đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy và các quy định về pháp luật chuyên ngành khác.
5. Tình hình tài chính của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài
 - a) Giá trị tài sản góp vốn của các bên (giá trị quyền sử dụng đất; giá trị tài sản máy móc, thiết bị; quyền sở hữu trí tuệ và các tài sản khác theo quy định của pháp luật);

- b) Việc sử dụng đúng mục đích của máy móc thiết bị nhập khẩu tạo tài sản cố định, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu để sản xuất thuộc đối tượng miễn thuế nhập khẩu;
- c) Kiểm tra kết quả xác định giá trị doanh nghiệp, giá trị cổ phiếu tại thời điểm trước khi lên sàn chứng khoán trong một số trường hợp đặc biệt có dấu hiệu nâng khống giá trị doanh nghiệp;
- d) Các giao dịch với công ty mẹ ở nước ngoài hoặc các công ty có quan hệ liên kết;
- đ) Tình hình thực hiện các khoản nợ (vay ngân hàng, phát hành trái phiếu doanh nghiệp và các khoản vay nợ khác);
- e) Trích lập, sử dụng các quỹ dự phòng, khấu hao tài sản cố định, hạch toán chênh lệch tỷ giá hối đoái;
- g) Việc chia lợi nhuận đối với phần vốn góp của nhà nước trong tổ chức kinh tế, dự án có vốn đầu tư nước ngoài;
- h) Tình hình bảo toàn vốn góp của tổ chức kinh tế, dự án có vốn nhà nước (bao gồm đầu tư ra ngoài doanh nghiệp và tiếp nhận đối tác vào góp vốn liên doanh, liên kế trong tổ chức kinh tế).

6. Các nội dung khác liên quan tới triển khai thực hiện dự án đầu tư

- a) Việc chấp hành quy định về điều kiện giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo, thống kê theo quy định;
- b) Việc chấp hành biện pháp xử lý vi phạm đã phát hiện.

7. Đối với các dự án thuộc diện cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, ngoài các nội dung được quy định từ khoản 1 đến khoản 6 Điều này, nội dung kiểm tra còn bao gồm việc thực hiện các nội dung quy định tại Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

8. Tùy mục đích, yêu cầu của công tác kiểm tra và theo tính chất, đặc điểm của dự án có vốn đầu tư nước ngoài, nội dung kiểm tra có thể bao gồm toàn bộ hay một phần các nội dung quy định tại Điều này.

Hình thức kiểm tra

1. Kiểm tra định kỳ: được tiến hành trên cơ sở kế hoạch kiểm tra hàng năm được cơ quan có thẩm quyền quy định tại Điều 4 Thông tư này phê duyệt.

2. Kiểm tra đột xuất: được thực hiện theo từng vụ việc, trên cơ sở yêu cầu quản lý và tình hình thực tế hoặc trên cơ sở đề nghị, phản ánh của cơ quan, tổ chức, cá nhân về những vấn đề vướng mắc trong quá trình triển khai hoạt động đầu tư hoặc trong quá trình tổ chức thực hiện pháp luật, chính sách về đầu tư nước ngoài hoặc có dấu hiệu vi phạm trong hoạt động đầu tư của tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài và dự án có vốn đầu tư nước ngoài.

3. Kiểm tra chuyên ngành: được tiến hành theo quy định của pháp luật chuyên ngành và trên cơ sở yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước chuyên ngành nhằm đánh giá tình hình thực hiện các quy định của pháp luật liên quan tới lĩnh vực quản lý theo thẩm quyền.

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

Ban Kế toán - Tài chính, Ban Kế hoạch - Đầu tư, Ban Hợp tác quốc tế (Tập đoàn), VNPT-Vinaphone, VNPT-Media nghiên cứu để biết, thực hiện.

3. Thông tư 05/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa và chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2022 và thay thế Thông tư số 69/2018/TT-BTC ngày 08/8/2018 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước không đủ điều kiện cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần và Thông tư số 50/2019/TT-BTC ngày 08/8/2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn bán đấu giá lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp nhà nước có chức năng mua, bán, xử lý nợ.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Thông tư này hướng dẫn các nội dung sau:

1. Tái cơ cấu doanh nghiệp không đủ điều kiện cổ phần hóa theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP), điểm b khoản 2 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh

ngành nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 140/2020/NĐ-CP) thông qua xử lý nợ để chuyển thành công ty cổ phần.

2. Chuyển nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu của doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ theo quy định tại khoản 2 Điều 29a Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 91/2015/NĐ-CP), khoản 13 Điều 1 Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 03 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 32/2018/NĐ-CP), khoản 16 Điều 2 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP và khoản 2 Điều 23 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 129/2020/NĐ-CP).

Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ có chức năng mua, bán, xử lý nợ (sau đây gọi là doanh nghiệp mua bán nợ).

2. Doanh nghiệp sau khi xử lý tài chính và xác định lại giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP và Nghị định số 140/2020/NĐ-CP mà giá trị thực tế của doanh nghiệp thấp hơn các khoản nợ phải trả của doanh nghiệp (sau đây gọi là doanh nghiệp tái cơ cấu).

3. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp; Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý và thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi là Cơ quan đại diện chủ sở hữu).

4. Chủ nợ tham gia tái cơ cấu.

5. Công ty cổ phần có vốn góp và nợ phải thu của doanh nghiệp mua bán nợ.

6. Tổ chức đấu giá.

7. Nhà đầu tư tham gia mua lô cổ phần kèm nợ phải thu.

8. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến hoạt động chuyên nhượng lô cổ phần kèm nợ phải thu.

Nguyên tắc tái cơ cấu doanh nghiệp

1. Phương án tái cơ cấu được thực hiện trên nguyên tắc đồng thuận giữa cơ quan đại diện chủ sở hữu doanh nghiệp tái cơ cấu với Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Mua bán nợ Việt Nam) và/hoặc các chủ nợ tham gia tái cơ cấu (lập biên bản thỏa thuận giữa các bên). Công ty Mua bán nợ Việt Nam được quyền chủ động đàm phán mua nợ với các chủ nợ và đề xuất phương án tái cơ cấu doanh nghiệp phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty Mua bán nợ Việt Nam chỉ quyết định mua nợ sau khi đã thỏa thuận, thống nhất với cơ quan đại diện chủ sở hữu và có kết quả đàm phán mua nợ với các chủ nợ của doanh nghiệp tái cơ cấu. Phương án mua bán nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp phải đảm bảo có tính khả thi, có khả năng thu hồi vốn hiệu quả và đủ nguồn chênh lệch giữa giá vốn mua nợ với giá trị sổ sách khoản nợ để xử lý tài chính, chuyển đổi thành công doanh nghiệp sang công ty cổ phần theo quy định.

3. Trường hợp phương án mua nợ để tái cơ cấu doanh nghiệp không khả thi và hiệu quả thì Ban chỉ đạo cổ phần hóa/tái cơ cấu báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu xem xét, quyết định hình thức chuyển đổi khác theo quy định của pháp luật.

4. Ngoài các nội dung quy định tại Thông tư này, doanh nghiệp tái cơ cấu, Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các cơ quan có liên quan thực hiện theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Nghị định số 129/2020/NĐ-CP và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).

Quy trình tái cơ cấu doanh nghiệp

Quy trình tái cơ cấu doanh nghiệp để chuyển thành công ty cổ phần quy định cụ thể tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư này, bao gồm các bước cơ bản sau:

1. Xây dựng phương án tái cơ cấu

a) Triển khai kế hoạch chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần:

- Thành lập Ban chỉ đạo cổ phần hoá/tái cơ cấu và Tổ giúp việc.

- Chuẩn bị các hồ sơ, tài liệu.
 - Phê duyệt dự toán chi phí cổ phần hóa, quyết định lựa chọn tư vấn cổ phần hóa.
 - Tổ chức kiểm kê, xử lý những vấn đề về tài chính và tổ chức xác định giá trị doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 126/2017/NĐ-CP, Nghị định số 140/2020/NĐ-CP, Thông tư hướng dẫn của Bộ Tài chính và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
 - Quyết định và công bố giá trị doanh nghiệp.
 - Quyết định việc đề nghị Công ty Mua bán nợ Việt Nam và các chủ nợ khác tham gia tái cơ cấu.
- b) Hoàn tất phương án tái cơ cấu trình cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.
2. Tổ chức thực hiện phương án tái cơ cấu.
3. Hoàn tất việc chuyển doanh nghiệp thành công ty cổ phần.
- a) Tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất và đăng ký doanh nghiệp;
- b) Tổ chức quyết toán, bàn giao giữa doanh nghiệp tái cơ cấu và công ty cổ phần.
-

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

Ban Kế toán – Tài chính, Ban Kế hoạch – Đầu tư (Tập đoàn) nghiên cứu để biết.

4. Thông tư 07/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập và theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/4/2022 và thay thế Thông tư số 55/2019/TT-BTC ngày 21 tháng 8 năm 2019 của Bộ Tài chính hướng dẫn bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ khi sắp xếp, chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp nhà nước.

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc bàn giao, tiếp nhận, xử lý các khoản nợ và tài sản loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập khi thực hiện chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và các khoản nợ, tài sản tiếp nhận, xử lý theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Đối tượng áp dụng

1. Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Công ty Mua bán nợ).

2. Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thực hiện chuyển đổi sở hữu theo hình thức cổ phần hóa hoặc bán doanh nghiệp có nợ phải thu và tài sản loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp thuộc diện bàn giao về Công ty Mua bán nợ theo quy định của pháp luật.

3. Đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện cổ phần hóa có nợ loại trừ bàn giao về Công ty Mua bán nợ theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan đại diện chủ sở hữu quy định tại Thông tư này bao gồm:

a) Đối với doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu:

Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được Chính phủ giao thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp do mình quyết định thành lập hoặc được giao quản lý và thực hiện quyền, trách nhiệm đối với phần vốn nhà nước đầu tư tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên; doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (đối với doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên thuộc doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ).

b) Đối với đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi thành công ty cổ phần:

Cơ quan đại diện chủ sở hữu là cơ quan quyết định công bố giá trị đơn vị sự nghiệp công lập chuyển đổi theo quy định tại Nghị định số 150/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 150/2020/NĐ-CP) và các văn bản sửa đổi, bổ sung và thay thế (nếu có).

5. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc bàn giao, tiếp nhận, xử lý nợ và tài sản loại trừ.
6. Doanh nghiệp, tổ chức đang giữ hộ tài sản, nợ loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp khi chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.
7. Doanh nghiệp, tổ chức có nợ và tài sản bàn giao theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ.

Nguyên tắc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản

1. Các khoản nợ và tài sản loại trừ khi bàn giao, tiếp nhận phải đảm bảo có đầy đủ hồ sơ (đối với nợ), có hiện vật (đối với tài sản). Trường hợp nợ không có đủ hồ sơ và tài sản không còn hiện vật thì Công ty Mua bán nợ có văn bản gửi cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thông báo lý do không tiếp nhận để doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập tiếp tục quản lý, theo dõi hoặc xử lý theo quy định hiện hành về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp.
2. Việc bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản loại trừ được thực hiện căn cứ vào quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập của cơ quan đại diện chủ sở hữu theo quy định pháp luật về chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập. Quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập phải nêu cụ thể giá trị nợ và tài sản loại trừ, làm căn cứ để Công ty Mua bán nợ thực hiện tiếp nhận.
3. Khi bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản loại trừ, cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty Mua bán nợ và doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập phải lập Biên bản bàn giao theo mẫu tại Phụ lục kèm theo Thông tư này, có chữ ký xác nhận của các bên. Cơ quan đại diện chủ sở hữu có thể ủy quyền (bằng văn bản) cho Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Tổng giám đốc hoặc Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có nợ và tài sản loại trừ để thực hiện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ.
4. Trường hợp cơ quan đại diện chủ sở hữu quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, giá trị đơn vị sự nghiệp công lập:
 - a) Nếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập chưa ký Biên bản bàn giao nợ và tài sản loại trừ với Công ty Mua bán nợ thì thực hiện bàn giao nợ và tài sản loại trừ theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.
 - b) Nếu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập đã ký Biên bản bàn giao nợ và tài sản loại trừ với Công ty Mua bán nợ theo quyết định công bố giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, cơ quan đại diện chủ sở hữu có văn bản đề nghị Công ty Mua bán

nợ thông báo hiện trạng của các khoản nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận theo Biên bản bàn giao theo tiêu chí: đã xử lý, thu hồi và chưa xử lý, thu hồi trước khi công bố quyết định điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu, Công ty Mua bán nợ có văn bản trả lời cơ quan đại diện chủ sở hữu. Trường hợp các khoản nợ và tài sản loại trừ đã được Công ty Mua bán nợ xử lý, thu hồi thì không thực hiện điều chỉnh lại Biên bản bàn giao theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp. Trường hợp các khoản nợ và tài sản loại trừ chưa hoàn thành việc xử lý, thu hồi thì thực hiện điều chỉnh Biên bản bàn giao theo quyết định công bố điều chỉnh giá trị doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Công ty Mua bán nợ có văn bản trả lời về hiện trạng các khoản nợ và tài sản loại trừ đã tiếp nhận, các bên phải hoàn tất việc điều chỉnh Biên bản bàn giao.

5. Công ty Mua bán nợ kế thừa toàn bộ quyền, nghĩa vụ của chủ nợ, chủ tài sản đối với nợ và tài sản tiếp nhận theo quy định kể từ ngày ký Biên bản bàn giao. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày ký Biên bản bàn giao, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm thông báo với bên nợ và các cơ quan liên quan về việc chuyển giao quyền chủ nợ cho Công ty Mua bán nợ.

6. Đối với các khoản nợ và tài sản tiếp nhận theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Công ty Mua bán nợ, cơ quan đại diện chủ sở hữu và doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức có nợ và tài sản thực hiện bàn giao, tiếp nhận, xử lý như đối với nợ, tài sản loại trừ khỏi giá trị doanh nghiệp chuyển đổi sở hữu và phù hợp với ý kiến chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ. Trường hợp có khó khăn, vướng mắc, Công ty Mua bán nợ đề nghị cơ quan đại diện chủ sở hữu của doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức có nợ và tài sản xem xét, giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trong trường hợp vượt thẩm quyền của cơ quan đại diện chủ sở hữu.

7. Doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện xử lý tài chính đối với nợ và tài sản loại trừ theo quy định của pháp luật đối với từng hình thức chuyển đổi sở hữu.

Nội dung bàn giao, tiếp nhận nợ và tài sản

1. Nợ và tài sản loại trừ bàn giao, tiếp nhận là các khoản nợ, tài sản loại trừ theo quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 2 Điều 14, khoản 2 và khoản 3 Điều 15 Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần (sau đây gọi là Nghị định số 126/2017/NĐ-CP); điểm b khoản 9 Điều 1 Nghị định số 140/2020/NĐ-CP ngày 30

tháng 11 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần; Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp và Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP (sau đây gọi là Nghị định số 140/2020/NĐ-CP); khoản 3 Điều 15, điểm đ khoản 2 Điều 19, khoản 3 Điều 27 Nghị định số 150/2020/NĐ-CP; điểm a khoản 3 Điều 15 Nghị định số 148/2021/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ về quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh nghiệp (sau đây gọi là Nghị định số 148/2021/NĐ-CP), trong đó:

a) Đối với nợ bàn giao: doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập thực hiện phân loại các khoản nợ phải thu theo tiêu thức bên nợ còn tồn tại và không còn tồn tại kèm theo danh mục các khoản nợ và hồ sơ có liên quan (bao gồm cả thông tin về hiện trạng từng bên nợ).

b) Đối với tài sản bàn giao: doanh nghiệp tiến hành phân loại tài sản (kèm theo các hồ sơ liên quan, có miêu tả tình trạng tài sản) theo các tiêu thức sau:

- Tài sản có giá trị thu hồi, có thể khai thác sử dụng hoặc có thể bán được.

- Tài sản không có giá trị thu hồi, không bán được, cần phá dỡ, hủy bỏ.

2. Đối với các khoản nợ loại trừ thu hồi được trước khi thực hiện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ sau khi trừ đi chi phí được hưởng theo quy định tại Điều 9 Thông tư này.

3. Đối với các tài sản loại trừ, trước khi thực hiện bàn giao cho Công ty Mua bán nợ, doanh nghiệp không được tự xử lý khi chưa có văn bản chấp thuận của cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công ty Mua bán nợ.

Trường hợp doanh nghiệp tự xử lý tài sản khi chưa được cơ quan đại diện chủ sở hữu và Công ty Mua bán nợ chấp thuận, cơ quan đại diện chủ sở hữu chỉ đạo doanh nghiệp làm rõ trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân có liên quan để xử lý theo quy định, đồng thời thông báo cho Công ty Mua bán nợ. Doanh nghiệp có trách nhiệm nộp về Công ty Mua bán nợ toàn bộ số tiền thu hồi được từ việc xử lý tài sản và không được trừ chi phí xử lý tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Thông tư này. Chi phí xử lý tài sản của doanh nghiệp không được tính vào chi phí hợp lý khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

4. Đối với nợ và tài sản tiếp nhận theo chỉ định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Công ty Mua bán nợ thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 129/2020/NĐ-CP ngày 27 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ và cơ chế hoạt động của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Mua bán nợ Việt Nam (sau đây gọi là Nghị định số 129/2020/NĐ-CP).

...

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật

Ban Kế toán – Tài chính, Ban Kế hoạch - Đầu tư (Tập đoàn), VNPT-Vinaphone, VNPT-Media nghiên cứu để biết.

5. Thông tư 09/2022/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ ban hành kèm theo Thông tư 153/2014/TT-BTC ngày 20/10/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

Thông tư này có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2022

a. Tóm tắt, nhấn mạnh một số nội dung của VBQPPL tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tập đoàn cần lưu ý:

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế xem xét, thẩm tra, chấp thuận các khoản vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả của doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu trên 50% vốn điều lệ ban hành kèm theo Thông tư số 153/2014/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 1 như sau:

“Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nội dung Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận chủ trương các khoản vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả dưới hình thức hợp đồng vay gắn với dự án đầu tư của các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Cơ quan đại diện chủ sở hữu;

- b) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ không bao gồm các doanh nghiệp là tổ chức tín dụng;
- c) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Sửa đổi, bổ sung Điều 3 như sau:

- “Điều 3. Nguyên tắc thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài
1. Tuân thủ các quy định về huy động vốn, vay nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả đối với doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ theo pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật về quản lý vay, trả nợ nước ngoài của doanh nghiệp không được Chính phủ bảo lãnh.
 2. Bộ Tài chính thực hiện thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài căn cứ trên cơ sở quyết định đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền, đề nghị của cơ quan đại diện chủ sở hữu và hồ sơ quy định tại Điều 5 Quy chế này.
 3. Doanh nghiệp tự chịu mọi rủi ro và chịu trách nhiệm trước pháp luật trong quá trình huy động, quản lý, sử dụng vốn vay nợ nước ngoài theo phương thức tự vay, tự trả và trả nợ đầy đủ, đúng hạn các khoản vay nước ngoài theo thỏa thuận đã ký kết.”

Sửa đổi, bổ sung khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5, khoản 8 Điều 4 như sau:

- “2. Dự án sử dụng khoản vay nước ngoài phải phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thuộc ngành nghề kinh doanh chính của doanh nghiệp, do doanh nghiệp làm chủ đầu tư và nằm trong kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm, kế hoạch sản xuất kinh doanh hằng năm của doanh nghiệp.
3. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đã phê duyệt chủ trương khoản vay nước ngoài.
 4. Bên cho vay đã có ý kiến bằng văn bản đồng ý cung cấp khoản vay nước ngoài.
 5. Tổng số nợ phải trả của doanh nghiệp (bao gồm cả giá trị các khoản bảo lãnh cho các công ty con vay vốn tại tổ chức tín dụng) không vượt quá ba lần vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp được ghi trên báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính năm của doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất với thời điểm nộp hồ sơ để Bộ Tài chính thẩm định theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 23 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014. Trường hợp huy động vốn trên mức quy định này thì phải được cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt.”

"8. Có phương án tài chính đảm bảo khả năng trả nợ khoản vay nước ngoài."

Sửa đổi, bổ sung Điều 5 như sau:

“Điều 5. Quy định về hồ sơ thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài
Hồ sơ để Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài của doanh nghiệp do cơ quan đại diện chủ sở hữu cung cấp bao gồm:

1. Công văn của cơ quan đại diện chủ sở hữu đề nghị Bộ Tài chính thẩm định, chấp thuận chủ trương vay nợ nước ngoài của doanh nghiệp, trong đó, thuyết minh cụ thể về các nội dung:

a) Việc đáp ứng các điều kiện thẩm định, chấp thuận chủ trương khoản vay nước ngoài quy định tại Điều 4 Quy chế này;

b) Ý kiến của cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với sự cần thiết của khoản vay nước ngoài, khả năng cân đối vốn đối ứng của doanh nghiệp, khả năng trả nợ khoản vay nước ngoài, năng lực tài chính của doanh nghiệp.

2. Văn bản của cơ quan đại diện chủ sở hữu phê duyệt chủ trương khoản vay nước ngoài, bao gồm các nội dung:

a) Mục đích vay;

b) Các điều kiện chính của khoản vay nước ngoài: Giá trị khoản vay nước ngoài, đồng tiền nhận nợ, thời hạn vay, lãi suất và các khoản phí có liên quan đến khoản vay nước ngoài, phương thức trả nợ, thời gian ân hạn, thời gian trả nợ;

c) Các điều khoản và các điều kiện cơ bản khác liên quan đến khoản vay nước ngoài (nếu có);

d) Các thông tin cơ bản trong phương án tài chính của dự án sử dụng khoản vay nước ngoài gồm tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư, tiến độ giải ngân khoản vay nước ngoài, kế hoạch bố trí vốn đối ứng hàng năm của doanh nghiệp.

3. Kế hoạch đầu tư phát triển 05 năm và kế hoạch sản xuất kinh doanh năm của doanh nghiệp.

4. Văn bản của Bên cho vay chấp thuận cung cấp khoản vay nước ngoài để thực hiện dự án, trong đó có các điều kiện của khoản vay nước ngoài gồm: Giá trị khoản vay nước ngoài, đồng tiền nhận nợ, thời hạn vay, lãi suất và các khoản phí có liên quan đến khoản vay nước ngoài, phương thức trả nợ, thời gian ân hạn, thời gian trả nợ và các điều kiện cơ bản khác liên quan đến khoản vay nước ngoài (nếu có).

5. Quyết định đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền hoặc quyết định phê duyệt kế hoạch phát triển mỏ (FDP) đối với các dự án dầu khí.

6. Phương án tài chính của dự án sử dụng khoản vay nước ngoài do doanh nghiệp lập trong đó thuyết minh số liệu tổng mức đầu tư, cơ cấu nguồn vốn đầu tư (vốn đối ứng của doanh nghiệp, vốn từ khoản vay nước ngoài và các nguồn vốn khác), tiến độ giải ngân khoản vay nước ngoài, kế hoạch bố trí vốn đối ứng hàng năm, kế hoạch cân đối nguồn trả nợ khoản vay hàng năm từ khấu hao, lợi nhuận do dự án mang lại và các biểu số liệu kèm theo.

7. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp tại thời điểm gần nhất.

8. Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất (trong trường hợp doanh nghiệp là công ty mẹ của tập đoàn kinh tế nhà nước, công ty mẹ của tổng công ty nhà nước, công ty mẹ trong nhóm công ty mẹ - công ty con) đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật trong 03 năm liên kế gần nhất và báo cáo tài chính quý gần nhất của doanh nghiệp tính đến thời điểm đề nghị Bộ Tài chính thẩm định.

Trường hợp doanh nghiệp chưa đủ 03 năm hoạt động liên tục, cơ quan đại diện chủ sở hữu phải có ý kiến về khả năng trả nợ kèm theo báo cáo tài chính năm gần nhất đã được kiểm toán, báo cáo tài chính quý gần nhất của doanh nghiệp.

9. Báo cáo của doanh nghiệp về giá trị các khoản bảo lãnh cho các công ty con vay vốn tại tổ chức tín dụng còn hiệu lực tại thời điểm cuối năm và cuối quý gần nhất tính đến thời điểm đề nghị Bộ Tài chính thẩm định (nếu có).

10. Báo cáo của doanh nghiệp về các khoản nợ quá hạn tại các tổ chức tài chính, tín dụng, nợ quá hạn liên quan đến các khoản được bảo lãnh, các khoản vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và ngân sách nhà nước tại thời điểm đề nghị Bộ Tài chính thẩm định.”.

....

b. Trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện văn bản pháp luật:

Ban Kế toán – Tài chính (Tập đoàn) nghiên cứu thực hiện.

Lưu ý:

Bản tin tóm tắt nội dung văn bản chỉ mang tính tổng hợp, để hiểu đầy đủ và chính xác quy định pháp luật, cần tìm đọc nội dung chi tiết toàn văn văn bản.

Phần 2: Các dự thảo VBPL của các Bộ đang lấy ý kiến góp ý:

STT	Tên Dự thảo	Ngày lấy ý kiến	Trách nhiệm nghiên cứu, xem xét, có ý kiến
BỘ THÔNG TIN TRUYỀN THÔNG			
1	Dự thảo Thông tư Hướng dẫn thực hiện Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025	Ngày bắt đầu 21/03/2022 Ngày hết hạn 22/05/2022	Ban Kế hoạch Đầu tư; Ban Kế toán Tài chính, Ban Công nghệ, VNPT-Vinaphone, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố.
2	Dự thảo Thông tư Quy định mức hỗ trợ cung cấp và sử dụng dịch vụ viễn thông công ích	Ngày bắt đầu 21/03/2022 Ngày hết hạn 22/05/2022	Ban Kế hoạch Đầu tư; Ban Kế toán Tài chính, Ban Công nghệ, VNPT-Vinaphone, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố.
3	Dự thảo Thông tư Quy định Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Thông tin và Truyền thông	Ngày bắt đầu 21/02/2022 Ngày hết hạn 21/4/2022	Ban Kiểm tra - pháp chế - Thanh tra, Ban Công nghệ, VNPT-IT, VNPT-Net.
4	Dự thảo Thông tư Hướng dẫn thực hiện hỗ trợ máy tính bảng và dịch vụ viễn thông công ích kèm theo thuộc Chương trình cung cấp dịch vụ viễn thông công ích đến năm 2025	Ngày bắt đầu 02/3/2022 Ngày hết hạn 02/5/2022	Ban Kế hoạch Đầu tư; Ban Kế toán Tài chính, Ban Công nghệ, VNPT-Vinaphone, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố.
5	Dự thảo Thông tư Quy định chi tiết và hướng dẫn một số điều của Nghị định số 85/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ về bảo đảm an toàn hệ thống thông tin theo cấp độ	Ngày bắt đầu 11/03/2022 Ngày hết hạn 11/05/2022	Ban Công nghệ, VNPT-IT, VNPT-Net, VNPT tỉnh/thành phố

6	Dự thảo Thông tư Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2018/TT-BTTTT quy định Danh mục sản phẩm an toàn thông tin mạng nhập khẩu theo giấy phép và trình tự, thủ tục, hồ sơ cấp Giấy phép nhập khẩu sản phẩm an toàn thông tin mạng	Ngày bắt đầu 01/03/2022 Ngày hết hạn 01/05/2022	Ban Công nghệ
BỘ TÀI CHÍNH			
1	Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 273/2016/TT-BTC ngày 14 tháng 11 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, miễn, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí quyền hoạt động viễn thông và giấy phép nghiệp vụ viễn thông	Ngày bắt đầu 03/3/2022 Ngày kết thúc 03/5/2022	Ban Kế toán - Tài chính, Ban Kế hoạch - Đầu tư, Ban Công nghệ.
	Dự thảo Nghị định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 126/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 123/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về hóa đơn, chứng từ.	Ngày bắt đầu 15/02/2022 Ngày kết thúc 15/4/2022	Ban Kế toán Tài chính, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media.
	Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp	Ngày bắt đầu 01/3/2022 Ngày kết thúc 01/5/2022	Ban Kế toán – Tài chính, VNPT-Vinaphone, VNPT-Media.

Nếu đơn vị/cá nhân có ý kiến góp ý cho các Dự thảo đang được lấy ý kiến, xin truy cập trang thông tin điện tử của Bộ Thông Tin và Truyền thông để xem thông tin chi tiết và tham gia ý kiến; hoặc gửi ý kiến về Ban Kiểm tra - Pháp chế - Thanh tra - Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam (hoabq@vnpt.vn) để tổng hợp.

Phần 3: Các quy định của Tập đoàn ban hành trong tháng 3/2022.

1. Quy trình kiểm toán nội bộ của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 21/QĐ-VNPT-HĐTV- KSNB ngày 22/3/2022 (số eOffice: 42597)
2. Bộ Quy trình nghiệp vụ tài chính kế toán của Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ban hành kèm Quyết định số 192/QĐ-VNPT-KTTC ngày 14/3/2022 (số eOffice: 124251)
3. Quy định người lao động không hoàn thành công việc ban hành kèm Quyết định số 197/QĐ-VNPT-TCNL ngày 15/3/2022 (số eOffice: 170703)
4. Quy trình quản lý khai thác VNPT Frame ban hành kèm Quyết định số 260/QĐ-VNPT-VP ngày 31/3/2022 (số eOffice: 227363)

Các đơn vị/cá nhân trong phạm vi chuyên môn nghiệp vụ của mình, có trách nhiệm nghiên cứu và chấp hành quy định trên của Tập đoàn (khai thác văn bản từ Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Tập đoàn).